

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỘNG CƠ VÀ VIỆC SỬ DỤNG CÁC CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP ĐỐI VỚI NHẬN THỨC VỀ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

BÙI THỊ THÚY HẰNG^(*)

TÓM TẮT: Báo cáo này trình bày kết quả của một nghiên cứu tìm hiểu ảnh hưởng của động cơ và việc sử dụng các chiến lược học tập đối với nhận thức về trình độ tiếng Anh trên 248 sinh viên thuộc nhiều ngành khác nhau của trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Kết quả phân tích mối tương quan Pearson và phép hồi quy đơn biến và đa biến dựa trên phần mềm SPSS 17.0 đã chỉ ra rằng động cơ tự chủ, chiến lược quản lý thời gian và sự tập trung có ảnh hưởng tích cực đến nhận thức về trình độ tiếng Anh của sinh viên trong khi động cơ bị kiểm soát và sự lo lắng không có ảnh hưởng đến nhận thức của họ. Kết quả này là cơ sở để chúng tôi đưa ra những bàn luận và đề xuất nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh.

Từ khóa: động cơ học tập, chiến lược học tập, kết quả học tiếng Anh, sinh viên.

ABSTRACT: This paper presents the results of a study exploring impact of motivation and learning strategies use on English level self-concept on 248 students from various specialties of Hanoi University of Science and Technology. Result of Pearson correlation and multiple and simple regression analysis using SPSS 17.0 have shown that autonomous motivation, time management and concentration strategies have positive effects on students' English level self-concept while controlled motivation and anxiety have no effect on their self-concept. Some discussions and suggestions will be clarified based on the results of this study in order to improve the quality of teaching and learning English.

Key words: learning motivation, learning strategies, learning outcomes, students.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, tiếng Anh được coi là ngôn ngữ quốc tế, được sử dụng rộng rãi trên thế giới. Ở Việt Nam nhu cầu học tiếng Anh tăng mạnh ở mọi tầng lớp và bộ phận người dân, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, sinh viên. Sinh viên học tiếng Anh vì nhiều lí do khác nhau: để vượt qua các kỳ thi, để tốt nghiệp ra trường, xin việc làm, đáp ứng các nhu cầu giao tiếp xã hội và công việc hoặc đơn giản hơn bởi vì họ yêu thích học tiếng Anh và muốn được tiếp nhận văn hóa Anh,... Tuy nhiên, có những người học

không thành công, lại có những người thành công và sử dụng tiếng Anh một cách hiệu quả.

Không ít nghiên cứu đã chỉ ra động cơ là nhân tố quan trọng quyết định tới sự thành công hay thất bại của việc học ngoại ngữ: cả động cơ bên ngoài và động cơ bên trong đều khuyến khích người học tích cực hơn dẫn đến sự thành công hơn khi học ngôn ngữ thứ hai (Gardner và MacTintyre, 1991); những sinh viên có động cơ học tập mạnh mẽ sẽ học tập tốt hơn và đạt thành tích cao hơn những sinh viên có động cơ

(*)Tiến sĩ. Viện Sư phạm Kỹ thuật – Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

yếu và ngược lại (Bernaus và Gardner, 2008); sinh viên có động cơ tự chủ càng cao thì kết quả học tiếng Anh càng tốt (Vansteenkiste, Zhou, Lens và Soenens, 2005).

Nhiều nghiên cứu về chiến lược học tập đã khẳng định tầm quan trọng của việc sử dụng các chiến lược đến kết quả học tập nói chung và học ngoại ngữ nói riêng: những học sinh sử dụng các chiến lược học tập nhiều hơn sẽ đạt kết quả cao hơn ở môn hình học và đại số (Pokay và Blumenfeld, 1990); sự nhận thức bản thân và sử dụng các chiến lược tự điều chỉnh có thể để dự đoán được kết quả học tập của học sinh (Pintrich và De Groot, 1990); người học ngôn ngữ giỏi hơn sử dụng nhiều chiến lược học ngoại ngữ hơn đối tượng còn lại (Ehrman và Oxford, 1989); những sinh viên sử dụng các chiến lược học tập phù hợp đạt kết quả cao hơn trong bài trắc nghiệm IELTS (International English Language Testing System) (Vansteenkiste et al., 2008).

Ở trong nước, nhiều nhà nghiên cứu cũng thống nhất cho rằng động cơ là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự thành công của việc học ngoại ngữ. Cả hai dạng động cơ tự phát (động cơ bên trong) và động cơ ngoại kích (động cơ bên ngoài) đều có tác dụng đối với người học. Điều quan trọng là người dạy phải sử dụng chúng một cách linh hoạt và hợp lý để hỗ trợ và khuyến khích người học. Tuy nhiên, giáo viên cần quan tâm phát triển động cơ tự phát hơn là động cơ ngoại kích vì loại động cơ này không tồn tại lâu và sớm chầm dứt (Khâu Hoàng Anh và Nguyễn Phước Tâm, 2013). Động cơ tự chủ và thái độ tích cực có ảnh hưởng đến kết quả học tiếng Anh trên sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Bùi Thị Thúy Hằng, 2017). Ngoài ra, một số nghiên cứu về việc sử dụng các chiến lược học tiếng Anh đã cho thấy: những sinh viên đạt kết quả

cao hơn sử dụng các chiến lược học tiếng Anh nhiều hơn (Nguyễn Thành Đức, Huỳnh Minh Thư và Trịnh Hồng Tính, 2012); kết quả đọc hiểu cao hơn khi sinh viên biết sử dụng các chiến lược nhận thức và siêu nhận thức khi học tiếng Anh (Nguyễn Thành Đức và Trịnh Hồng Tính, 2011).

Việc tổng quan các nghiên cứu trên thế giới và ở trong nước về ảnh hưởng của động cơ và việc sử dụng các chiến lược học tập đến kết quả học ngoại ngữ cho thấy động cơ tích cực và việc sử dụng các chiến lược học tập phù hợp sẽ làm nâng cao thành tích học tập nói chung và học tiếng Anh nói riêng. Tuy nhiên, những nghiên cứu ở trong nước về chủ đề này chưa nhiều và mới được thực hiện ở mức độ rất đơn giản. Thực tiễn đó thúc đẩy chúng tôi thực hiện nghiên cứu tìm hiểu vấn đề “Ảnh hưởng của động cơ và việc sử dụng các chiến lược học tập đối với nhận thức về trình độ tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội”.

Tìm hiểu ảnh hưởng của động cơ và việc sử dụng các chiến lược học tập đến nhận thức về trình độ tiếng Anh của sinh viên có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn, đặc biệt trong việc xây dựng môi trường học tập phù hợp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc giảng dạy và học tập tiếng Anh tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐỘNG CƠ VÀ CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP

Khi tìm hiểu về các yếu tố tâm lý có tác dụng định hướng hoạt động tự học, Carre (2003) cho rằng hoạt động tự học liên quan đến hai thành tố, đó là: động cơ và phương pháp. Trong đó, động cơ có ý nghĩa tiên quyết, thúc đẩy cá nhân tham gia vào các hoạt động học tập; phương pháp có ý nghĩa như các năng lực siêu nhận thức. Từ đó tác giả gắn yếu tố động cơ với sự tự chủ (l'autodetermination), kiểm soát, ý định tham gia vào quá trình đào tạo; yếu tố phương pháp gắn với sự tự điều chỉnh (l'autoregulation) liên quan đến việc giám sát,

đánh giá và điều khiển hoạt động học tập. Xuất phát từ quan điểm này, chúng tôi đã lựa chọn hai cơ sở lý luận, đó là lý thuyết về sự tự quyết để lý giải những nguyên nhân thúc đẩy người học tham gia vào việc học ngoại ngữ và lý thuyết chiến lược học tập đóng vai trò kiểm soát, điều khiển, điều chỉnh quá trình học tập để đem lại kết quả học tập mong đợi.

2.1. Động cơ và lý thuyết về sự tự quyết

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về động cơ nhưng khái niệm mà Vallerand và cộng sự (1993) đưa ra là tương đối khái quát và đầy đủ: “Động cơ là một cấu trúc giả định được dùng để mô tả những sức mạnh từ bên trong và/hoặc bên ngoài để tạo ra sự khởi đầu, hướng, cường độ và sự bền bỉ của hành vi”.

Động cơ học tập có thể hiểu là một động lực thúc đẩy, định hướng, tạo sức mạnh và duy trì hoạt động học tập nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu và kích thích hứng thú học tập của người học.

Cùng với việc nghiên cứu về động cơ, vấn đề phân loại động cơ cũng nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhiều cách phân loại động cơ được giới thiệu và nghiên cứu, tuy nhiên cách chia động cơ thành động cơ bên trong và động cơ bên ngoài là phổ biến nhất. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng cách phân loại động cơ theo lý thuyết về tính tự quyết (Self-determination theory).

Lý thuyết về tính tự quyết (Deci và Ryan, 1985) là một lý thuyết về động cơ của con người. Lý thuyết này chia động cơ thành: động cơ bên trong và động cơ bên ngoài.

Động cơ bên trong gắn với việc thực hiện hành vi bởi những hứng thú liên quan trực tiếp đến hành động. Ví dụ: “Vì tôi thấy học tiếng Anh rất thú vị”.

Động cơ bên ngoài lại được chia thành 3 kiểu được sắp xếp theo mức độ tự quyết từ thấp đến cao. Đó là:

- Điều chỉnh bên ngoài: lý do thực hiện hành vi xuất phát từ các yêu cầu bên ngoài, để đạt được một phần thưởng hay tránh một hình phạt. Ví dụ: “Bởi vì đó là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học”.

Điều chỉnh nội nhập: hành vi được thúc đẩy bởi các sức ép từ bên trong hay những ảnh hưởng từ bên ngoài để đạt được sự ngợi khen hay niềm kiêu hãnh. Ví dụ: “Vì nếu không biết tiếng Anh sẽ rất xấu hổ”.

Điều chỉnh đồng nhất: xuất hiện khi chủ thể đánh giá cao hành vi đang thực hiện, thấy nó là quan trọng và lựa chọn hành vi đó một cách tự nguyện. Ví dụ: “Bởi vì học tiếng Anh rất quan trọng đối với việc học tập và phát triển chuyên môn sau này”.

Trong 3 kiểu động cơ bên ngoài này, điều chỉnh đồng nhất được coi là động cơ tự chủ (nguyên nhân thực hiện hành vi nằm ở bên trong), hai kiểu điều chỉnh bên ngoài và nội nhập là động cơ bị kiểm soát (nguyên nhân thực hiện hành vi nằm ở bên ngoài).

Xét theo mức độ tự chủ, 4 loại động cơ trên có thể nhóm thành 2 nhóm: động cơ tự chủ (gồm hai loại động cơ bên trong và điều chỉnh đồng nhất), động cơ bị kiểm soát (gồm hai loại điều chỉnh nội nhập và điều chỉnh bên ngoài).

2.2. Chiến lược học tập

Có nhiều định nghĩa khác nhau về chiến lược học tập: Weinstein và Mayer (1986) định nghĩa chiến lược học tập là “những hành vi và suy nghĩ của người học trong quá trình học tập” với “mong muốn ảnh hưởng đến quá trình mã hóa của người học”. Schmeck (1988) định nghĩa chiến lược học tập là “một tập hợp ở mức độ cao các kỹ thuật học tập kết hợp với nhau để tạo ra kết quả học tập thống nhất”.

Ở trong nước, Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường (2014) định nghĩa: “Chiến lược học tập là những cách thức, quy trình hành động được sử dụng có ý thức hoặc không có ý thức

cho việc giải quyết các nhiệm vụ học tập và tự điều khiển quá trình học tập của cá nhân“ (tr.37).

Có nhiều loại chiến lược học tập khác nhau. Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường (2014) xếp các chiến lược học tập vào 3 nhóm cơ bản:

Các chiến lược nhận thức: Đây là những chiến lược học tập trực tiếp liên quan tới việc lĩnh hội thông tin, tức là những kỹ thuật mà người học sử dụng để chiếm lĩnh các thông tin mới. Các chiến lược nhận thức bao gồm: tổ chức thông tin, kết nối, kiểm tra và ôn tập.

Các chiến lược siêu nhận thức: Đây là những chiến lược liên quan đến việc điều khiển và kiểm soát những hoạt động học tập và tiến bộ học tập của bản thân người học. Các chiến lược siêu nhận thức bao gồm: Tự lập kế hoạch các bước học tập, giám sát kết quả và điều chỉnh kế hoạch.

Các chiến lược sử dụng nguồn lực học tập: Đó là các chiến lược học tập liên quan đến các nguồn lực bên trong và bên ngoài của việc học tập. Các nguồn lực bên trong chính là những yếu tố tâm sinh lý thuộc về điều kiện cá nhân của người học như sự cố gắng, chú ý, ý chí, khả năng tập trung học tập, khả năng quản lý thời gian... Các nguồn lực bên ngoài là những yếu tố thuộc môi trường học tập, trong đó bao gồm những nguồn phương tiện, tài liệu học tập và cả môi trường xã hội.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Mục đích của nghiên cứu này là tìm hiểu mối liên hệ giữa động cơ và việc sử dụng các chiến lược học tập ảnh hưởng đến kết quả học tiếng Anh. Các chiến lược đó là: hiệu quả sử dụng thời gian học tập; khả năng tập trung khi học; mức độ sinh viên lo lắng trước các kỳ thi và kết quả thi.

Chúng tôi cũng tìm hiểu mối tương quan giữa động cơ tự chủ và động cơ bị kiểm soát

với sự tự nhận thức về trình độ tiếng Anh hiện tại và mong đợi.

Theo lý thuyết về sự tự quyết, chúng tôi đưa ra giả thuyết: cảm nghiệm tự chủ đối với việc học tập có mối liên hệ với việc sử dụng các chiến lược học tập phù hợp (quản lý thời gian, khả năng tập trung) và sự đánh giá cao về trình độ tiếng Anh của bản thân, trái lại cảm nghiệm bị kiểm soát có mối liên hệ với việc sử dụng các chiến lược học tập không phù hợp (sự lo lắng về kết quả học tập) và sự tự đánh giá thấp hơn về trình độ tiếng Anh.

3.2. Khách thể và quy trình nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu là 248 sinh viên thuộc nhiều ngành khác nhau của trường Đại học Bách khoa Hà Nội, trong đó: 43 sinh viên nữ (17,3%), 196 sinh viên nam (79%) và 9 sinh viên không khai báo giới tính của họ. Độ tuổi của mẫu nghiên cứu giao động từ 19 đến 26, trung bình là 21,4 tuổi.

Tất cả các khách thể này theo học một học phần tự chọn tâm lý học, trong khóa học đó họ được yêu cầu trả lời bảng hỏi và được giải thích rằng mục đích của bảng hỏi này là tìm hiểu thêm về cảm giác và các chiến lược học tiếng Anh trong sinh viên các ngành kỹ thuật. Phần lớn sinh viên hoàn thành các câu trả lời trong vòng 20 phút.

Bảng hỏi bao gồm các thông tin liên quan đến cá nhân và đánh giá về trình độ tiếng Anh của sinh viên, động cơ học tiếng Anh và các chiến lược học tập của họ.

3.3. Công cụ nghiên cứu

Nhận thức về trình độ tiếng Anh hiện tại và tương lai

Sinh viên tích vào một thang đo Likert 5 điểm (1 = “Rất thấp” đến 5 = “Rất cao”) để đánh giá trình độ tiếng Anh hiện tại và trình độ tiếng Anh kỳ vọng trong tương lai bao gồm 4 kỹ năng: đọc, viết, nghe và nói. Độ tin cậy bên trong, $\alpha = 0,81$ đối với trình độ tiếng Anh hiện tại và $\alpha = 0,89$ đối với trình độ tiếng Anh kỳ vọng ở tương lai.

Bảng hỏi về động cơ học tiếng Anh

Bảng hỏi này được xây dựng từ bảng hỏi về sự tự điều chỉnh trong học tập của Ryan và Connell (Self-Regulation Questionnaire - Academics SRQ-A, 1989), bao gồm 4 tiểu thang đo đánh giá 4 kiểu động cơ học tiếng Anh, đó là:

Điều chỉnh bên ngoài (động cơ được thúc đẩy bởi sức ép từ bên ngoài để đạt được một phần thưởng hay né tránh một sự trừng phạt, ví dụ: “Tôi học tiếng Anh bởi vì bố mẹ tôi bắt tôi học”; 3 biến (items), độ tin cậy bên trong, $\alpha = 0.62$);

Điều chỉnh nội nhập (động cơ được thúc đẩy bởi những sức ép từ bên trong, ví dụ: “Tôi cảm thấy áy náy nếu không học tiếng Anh”; 4 biến, độ tin cậy bên trong, $\alpha = 0.75$);

Điều chỉnh đồng nhất (động cơ được thúc đẩy bởi những cam kết của cá nhân, ví dụ: “Tôi thấy rằng học tiếng Anh rất cần thiết”; 4 biến, độ tin cậy bên trong, $\alpha = 0.77$);

Động cơ bên trong (động cơ xuất phát từ những hứng thú và sự hài lòng liên quan trực tiếp đến hành động, ví dụ: “Tôi rất thích học tiếng Anh”; 4 biến, độ tin cậy bên trong, $\alpha = 0.89$).

Sinh viên chỉ ra mức độ đồng tình của họ bằng việc tích vào một thang đo Likert 5 mức độ (1 = “Hoàn toàn không đồng ý” đến 5 = “Hoàn toàn đồng ý”).

Theo lý thuyết về sự tự quyết và nghiên cứu Vansteenkiste và cộng sự (2005), chúng tôi xếp 4 tiểu thang đo về động cơ này thành 2

loại: động cơ tự chủ (được tính bằng tổng điểm của động cơ bên trong và điều chỉnh đồng nhất) và động cơ bị kiểm soát (được tính bằng tổng điểm của điều chỉnh bên ngoài và điều chỉnh nội nhập).

Chiến lược học tập

Những chiến lược học tập mà sinh viên sử dụng được đánh giá bởi 3 tiểu thang đo, được xây dựng dựa trên thang đo về chiến lược học tập (LASSI; Weinstein, Palmer, và Schulte, 1987):

Quản lý thời gian: đánh giá mức độ sinh viên lập kế hoạch để tổ chức và kiểm soát tiến độ công việc, ví dụ: “Khi cần làm bài tập, tôi dành một khoảng thời gian đủ dài và thực hiện nó”; 9 biến; $\alpha = 0,78$;

Sự tập trung: đánh giá khả năng tập trung và hướng sự chú ý của sinh viên vào các nhiệm vụ học tập, ví dụ: “Tôi dễ dàng sao nhãng khỏi việc học tập”; 9 biến; $\alpha = 0,70$.

Sự lo lắng về kết quả học tập: đánh giá mức độ sinh viên lo lắng về việc học tập và thành tích, ví dụ: “Sự lo lắng làm tôi mất tập trung khi làm các bài kiểm tra”; 9 biến; $\alpha = 0,78$).

Tất cả những câu hỏi này được chấm trên thang đo Likert 5 điểm (từ 1 = “Hoàn toàn không giống với tôi” đến 5 = “Hoàn toàn giống với tôi”).

3.4. Kết quả nghiên cứu

3.4.1. Mối tương quan giữa trình độ tiếng Anh hiện tại và tương lai với các kiểu động cơ và chiến lược học tiếng Anh

Bảng 1. Hệ số tương quan Pearson giữa các biến nghiên cứu

	Trình độ tiếng Anh hiện tại	Trình độ tiếng Anh tương lai
Động cơ bị kiểm soát	0.04	0.11
Động cơ tự chủ	0.34**	0.40**
Quản lý thời gian	0.33**	0.24**
Sự tập trung	0.22**	0.13
Sự lo lắng	-0.07	0.00

Ghi chú. ** $p < .01$

Trước hết chúng tôi tìm hiểu mối tương quan giữa tất cả các yếu tố nghiên cứu: động cơ (gồm 2 kiểu động cơ bị kiểm soát và động cơ tự chủ), chiến lược quản lý các nguồn lực học tập (quản lý thời gian, sự tập trung và sự lo lắng), nhận thức về trình độ tiếng Anh (hiện tại và tương lai). Kết quả của phép phân tích mối tương quan Pearson được thể hiện ở bảng 1.

Kết quả của bảng 1 cho thấy: động cơ tự chủ, sự quản lý thời gian và sự tập trung có tương quan thuận chiều mang ý nghĩa thống kê với trình độ tiếng Anh hiện tại ($r = 0,34; 0,33; 0,22; p < 0,01$). Động cơ tự chủ và sự quản lý thời gian có mối tương quan thuận chiều mang ý nghĩa thống kê với trình độ tiếng Anh kỳ vọng trong tương lai ($r = 0,40; 0,24; p < 0,01$). Tuy nhiên sự tập trung không có mối tương quan mang ý nghĩa thống kê với yếu tố này. Trong khi đó, động cơ bị kiểm soát và sự lo lắng về việc học tập không có mối tương quan mang ý nghĩa thống kê với trình độ tiếng Anh ở

hiện tại và tương lai. Kết quả trên có nghĩa là những sinh viên có động cơ tự chủ và khả năng quản lý thời gian và sự tập trung càng cao thì nhận thức về trình độ tiếng Anh càng cao trong khi động cơ bị kiểm soát và sự lo lắng không có mối liên hệ với nhận thức về trình độ tiếng Anh.

3.4.2. Ảnh hưởng của động cơ và việc sử dụng các chiến lược tới nhận thức về trình độ tiếng Anh

Ảnh hưởng của động cơ và việc sử dụng các chiến lược học tập đến nhận thức về trình độ tiếng Anh được xem xét nhờ phép phân tích hồi quy đa biến giữa 5 biến độc lập: động cơ tự chủ và động cơ bị kiểm soát), chiến lược quản lý thời gian, sự tập trung và sự lo lắng và 2 biến phụ thuộc: trình độ tiếng Anh hiện tại và mong đợi. Hệ số tương quan R và R^2 được trình bày ở bảng 2, hệ số hồi quy β được trình bày ở bảng 3.

Bảng 2. Hệ số R và R^2 của phân tích hồi quy đa biến giữa động cơ và chiến lược tới nhận thức về trình độ tiếng Anh

	Động cơ và chiến lược học tiếng Anh	
	R	R^2
Trình độ tiếng Anh hiện tại	0.45**	0.20**
Trình độ tiếng Anh tương lai	0.37**	0.14**

Ghi chú. ** $p < .01$

Hệ số tương quan $R = 0,45$ và $0,37; p < 0,01$ cho thấy động cơ và việc sử dụng các chiến lược học tập có ảnh hưởng tới nhận thức về trình độ tiếng Anh hiện tại và tương lai trong đó mức độ ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh ở hiện tại cao hơn so với mức độ ảnh hưởng đến trình độ học tiếng Anh kỳ vọng trong tương lai. Cả 5 biến độc lập này giải thích được 20% sự biến đổi về trình độ tiếng Anh hiện tại và 14% sự biến đổi về trình độ tiếng Anh mong đợi ($R^2 = 0,20$ và $0,14; p < 0,01$). Kết quả này chứng tỏ động cơ và thái độ học tập là những nhân tố tích cực dự báo nhận thức về trình độ tiếng Anh

của sinh viên ở hiện tại và tại thời điểm ra trường.

Kết quả của bảng 3 cho thấy, động cơ bị kiểm soát không có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến nhận thức về trình độ tiếng Anh hiện tại và tương lai. Trái lại, động cơ tự chủ có ảnh hưởng tích cực tới nhận thức này ($\beta = 0,34$ và $0,36; p < 0,01$). Xét đến việc sử dụng các chiến lược học tập, duy nhất sự quản lý thời gian có ảnh hưởng nhỏ đến nhận thức về trình độ tiếng Anh ở hiện tại nhưng mức độ ảnh hưởng thấp và độ tin cậy chỉ ở mức độ 95% ($\beta = 0,17; p < 0,05$).

Bảng 3. Hệ số β của phân tích hồi quy đa biến giữa động cơ và chiến lược tới nhận thức về trình độ tiếng Anh

	Động cơ bị kiểm soát	Động cơ tự chủ	Quản lý thời gian	Sự tập trung	Sự lo lắng
Trình độ tiếng Anh hiện tại	-0.12	0.34**	0.17*	0.09	-0.03
Trình độ tiếng Anh tương lai	-0.08	0.36**	0.05	0.04	0.00

Ghi chú. * $p < .05$; ** $p < .01$

Để tìm hiểu ảnh hưởng của mỗi loại động cơ và chiến lược học tập đến nhận thức về trình độ tiếng Anh, chúng tôi thực hiện phép phân tích hồi quy đơn biến giữa mỗi loại động cơ và

chiến lược học tập đến nhận thức về trình độ tiếng Anh ở hiện tại và tương lai. Hệ số tương quan R và R^2 được trình bày ở bảng 4, hệ số hồi quy β được trình bày ở bảng 5.

Bảng 4. Hệ số β của phân tích hồi quy đơn biến giữa các kiểu động cơ, chiến lược và nhận thức về trình độ tiếng Anh

	Động cơ bị kiểm soát		Động cơ tự chủ		Quản lý thời gian		Sự tập trung		Sự lo lắng	
	R	R^2	R	R^2	R	R^2	R	R^2	R	R^2
Trình độ TA hiện tại	0.04	0.00	0.34**	0.12**	0.33**	0.11**	0.22**	0.05**	0.07	0.01
Trình độ TA tương lai	0.11	0.01	0.40**	0.16**	0.24**	0.06**	0.13	0.02	0.00	0.00

Ghi chú. ** $p < .01$

Kết quả phân tích hồi quy đơn biến cho thấy: động cơ bị kiểm soát và sự lo lắng không có ảnh hưởng đến nhận thức về trình độ tiếng Anh ở hiện tại và tương lai. Trái lại, động cơ tự chủ, chiến lược quản lý thời gian có ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh ở hiện tại ($R = 0,34^{**}$ và $0,33^{**}$; $p < 0,01$) và tương lai ($R = 0,40^{**}$ và $0,24^{**}$; $p < 0,01$). Riêng chiến lược về sự tập trung chỉ ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh ở hiện tại ($R = 0,22^{**}$; $p < 0,01$) nhưng không có ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh kỳ vọng trong tương lai. Động cơ tự chủ giải thích được 12% sự biến đổi về trình độ tiếng Anh ở hiện tại và 16% sự biến đổi về trình độ tiếng Anh trong tương lai ($R^2 = 0.12$ và $0,16$; $p < 0,01$). Chiến lược quản lý thời gian giải thích sự biến đổi về trình độ tiếng Anh ở hiện tại cao hơn so với sự biến đổi về trình độ tiếng Anh trong tương lai ($R^2 = 0,11$ so với $0,06$; $p < 0,01$).

Chiến lược quản lý sự tập trung chỉ giải thích được 5% sự biến đổi về trình độ tiếng Anh ở hiện tại ($R^2 = 0,15$; $p < 0,01$) mà không giải thích sự biến đổi về trình độ tiếng Anh trong tương lai.

Xem xét hệ số β của phép hồi quy đơn biến giữa từng biến độc lập với nhận thức về trình độ tiếng Anh, ta thấy: Động cơ tự chủ và chiến lược quản lý thời gian có ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh ở hiện tại ($\beta = 0,34$ và $0,33$; $p < 0,01$) và tương lai ($\beta = 0,40$ và $0,24$; $p < 0,01$), chiến lược quản lý sự tập trung chỉ ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh ở hiện tại ($\beta = 0,22$; $p < 0,01$) mà không ảnh hưởng đến trình độ tiếng Anh trong tương lai. Hai yếu tố: động cơ bị kiểm soát và sự lo lắng không có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến trình độ tiếng Anh cả ở hiện tại và tương lai.

Bảng 5. Hệ số β của phân tích hồi quy đơn biến giữa các kiểu động cơ, chiến lược và kết quả học tiếng Anh

	Động cơ bị kiểm soát	Động cơ tự chủ	Quản lý thời gian	Sự tập trung	Sự lo lắng
Trình độ tiếng Anh hiện tại	0.04	0.34**	0.33**	0.22**	0.07
Trình độ tiếng Anh tương lai	0.11	0.40**	0.24**	0.13	0.00

Ghi chú. ** $p < .01$

Như vậy, phép phân tích hồi quy đa biến và đơn biến đều chỉ ra rằng: động cơ tự chủ và sự quản lý thời gian có ảnh hưởng tích cực tới nhận thức về trình độ tiếng Anh, trong khi động cơ bị kiểm soát và sự lo lắng không có ảnh hưởng tới nhận thức này. Phép phân tích hồi quy đơn biến chỉ ra rằng cả yếu tố về quản lý thời gian và sự tập trung đều có ảnh hưởng đến nhận thức về trình độ tiếng Anh, trong khi phép phân tích hồi quy đa biến lại chỉ ra rằng chỉ có sự quản lý thời gian có ảnh hưởng đến nhận thức này.

4. KẾT LUẬN

Kết quả thu được từ nghiên cứu này cho thấy động cơ và việc sử dụng các chiến lược học tập có liên quan đến nhận thức về trình độ tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Động cơ tự chủ, sự quản lý thời gian và sự tập trung có mối tương quan tỉ lệ thuận với nhận thức về trình độ tiếng Anh trong khi động cơ bị kiểm soát và sự lo lắng không có mối tương quan mang ý nghĩa thống kê với nhận thức này.

Ngoài ra, kết quả phân tích hồi quy đa biến và đơn biến cũng khẳng định: động cơ tự chủ, sự quản lý thời gian và sự tập trung có ảnh hưởng tích cực tới nhận thức của sinh viên về trình độ tiếng Anh của họ ở hiện tại hoặc tương lai trong khi động cơ bị kiểm soát và sự lo lắng không ảnh hưởng tới nhận thức của họ.

Xuất phát từ kết quả nghiên cứu của bài báo, chúng tôi đưa ra một số bàn luận và kiến nghị như sau: Đối với công tác giảng dạy, người giáo viên cần quan tâm phát triển động

cơ và việc sử dụng các chiến lược của người học. Đặc biệt cần khuyến khích động cơ tự chủ gồm có động cơ bên trong và động cơ điều chỉnh đồng nhất. Đây là những loại động cơ tích cực bởi vì người học yêu thích, hứng thú đối với việc học tiếng Anh, họ nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của việc học tiếng Anh từ đó tham gia vào các hoạt động học tập và hình thành các kỹ năng tiếng Anh một cách tự nguyện. Trái lại, kiểu động cơ bị kiểm soát bao gồm điều chỉnh bên ngoài và điều chỉnh nội nhập không có ảnh hưởng đến kết quả học tiếng Anh. Đây là những kiểu động cơ mang tính tự chủ thấp bởi vì người học tham gia vào các hoạt động học tập bởi sức ép từ bên ngoài hoặc bên trong, bởi sự hấp dẫn của những phần thưởng, sự khen ngợi hoặc bởi sự né tránh các hình phạt, sự kỷ luật. Để phát triển việc sử dụng các chiến lược học tập ở người học, giáo viên cần giới thiệu và hướng dẫn cho sinh viên các chiến lược học tập nói chung và học tiếng Anh nói riêng. Ví dụ: chiến lược quản lý thời gian qua đó người học biết cách lập kế hoạch để tổ chức và kiểm soát sự tiến bộ học tập (bố trí thời gian, duy trì hoạt động học tập); chiến lược quản lý sự tập trung nhờ đó người học có khả năng tập trung và hướng sự chú ý đến các nhiệm vụ học tập. Ngoài ra, người học cũng cần được học các chiến lược quản lý sự lo lắng về thành tích học tập. Mặc dù kết quả của nghiên cứu này không chỉ ra được ảnh hưởng tiêu cực từ sự lo lắng đến nhận thức về trình độ tiếng Anh nhưng rất nhiều nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng sự lo lắng làm hạn chế kết

quả học tập thông qua tác động tiêu cực đến trí nhớ (Owens, Stevenson, Hadwin, và Norgate,

2012), sự tự nhận thức đối với môn học có liên quan (Ahmed và cộng sự, 2011).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường (2014). *Lí luận dạy học hiện đại: Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Sư Phạm.
2. Bùi Thị Thúy Hằng (2017). “Ảnh hưởng của động cơ và thái độ tới kết quả học tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Đại học Quốc gia Hà Nội, đã chấp nhận đăng, xem đường link: <http://journal.ussh.vnu.edu.vn/index.php/vjossh/pages/view/accepted>.
3. Khâu Hoàng Anh và Nguyễn Phước Tâm (2013). “Tầm quan trọng của động cơ học ngoại ngữ.” *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học*, tr.312 – 319, Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương.
4. Nguyễn Thành Đức, Huỳnh Minh Thư và Trịnh Hồng Tính (2012). “Mối tương quan giữa việc sử dụng các chiến lược học ngoại ngữ và kết quả học môn ngoại ngữ của sinh viên không chuyên Anh văn tại trường Đại học Cần Thơ”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, 2012:24b 100-107.
5. Nguyễn Thành Đức và Trịnh Hồng Tính (2011). “Mức độ sử dụng các chiến lược đọc nhận thức và siêu nhận thức của sinh viên chuyên ngành Anh văn”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, 2011:19b 104-109.
6. Bernaus, M. và Gardner, R.C. (2008). “Teacher motivation strategies, student perceptions, student motivation, and English achievement.” *The Modern Language Journal* 92: 389-401.
7. Ehrman, M., và Oxford, R. (1989). Effects of sex differences, career choice, and psychological type on adult language learning strategies. *The Modern Language Journal*, 73(1), 1-13.
8. Carre P. (2003). La double dimension de l'apprentissage autodirigé contribution à une théorie du sujet social apprenant, *La Revue Canadienne pour l'étude de l'éducation des adultes*, 17, 1 Mai, 1-26.
9. Deci E. L. và Ryan R. M. (1985). *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*. New-York: Plenum.
10. Gardner, R. C. và MacIntyre, P. D. (1991). “An instrumental motivation in language study: Who says it isn't effective?” Pp. 57-72 in Brown, H., D. và Gonzo, S., T. (Eds.) *Reading on Second Language Acquisition*. San Francisco: Prentice Hall Regents.
11. Pokay, P., và Blumenfeld, P. C. (1990). Predicting achievement early and late in the semester: The role of motivation and use of learning strategies. *Journal of Educational Psychology*, 82, 41-50.
12. Pintrich, P. R., và De Groot, E. V. (1990). Motivational and self-regulated learning components of classroom academic performance. *Journal of Educational Psychology*, 82, 33-40.
13. Weinstein, C.E., and Mayer, R.E. (1986). The teaching of learning strategies. In M.C. Wittrock (Ed.), *Handbook of Research on Teaching, Third Edition* (pp. 315-327). New York: Macmillan.
14. Schmeck, R.R. (1988). Individual differences and learning strategies. In C. Weinstein, E. Goetz, and P. Alexander, (Eds.), *Learning and Study Strategies: Issues in Assessment, Instruction, and Evaluation* (pp. 171-191). San Diego, CA: Academic Press.
15. Vallerand R J. et Thill E. A. (1993). Introduction au concept de motivation. In. Vallerand et Thill (Eds.). *Introduction à la psychologie de la motivation*, p. 3-39. Paris: Vigot.
16. Vansteenkiste M., Zhou M., Lens W. và Soenens B. (2005). “Experiences of Autonomy and Control Among Chinese Learner: Vitalizing or Immobilizing?” *Journal of Educational Psychology* 97(3): 468-483.

Ngày nhận bài: 24/7/2017. Ngày biên tập xong: 21/9/2017. Duyệt đăng: 06/10/2017